

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04/7/2018
V/v: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Cao Thế
2. Bà : Trần Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Triều – Kiểm sát viên

Ngày 04/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2017, về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B;
Địa chỉ: Thôn L3, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Phúc C;
Địa chỉ: Thôn L3, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
Vắng mặt và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Bà B và ông Mai Phúc C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 14/02/1987. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng ở tại thôn L3, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C có tính vũ phu, thường đánh đập, chửi bới bà. Nay bà nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên làm đơn xin được ly hôn với ông Mai Phúc C.

Về con chung: Bà B và ông Mai Phúc C có 02 con chung tên là Mai Lâm S, sinh ngày 20/10/1988 và Mai Thị N , sinh ngày 10/10/1990. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng, nuôi dưỡng con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện, bà B có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nhưng sau đó bà có đơn thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện này, bà trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông Mai Phúc C trong quá trình Tòa án giải quyết, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2018 trình bày như sau:

Ông và bà Lê Thị B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn như bà B trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn L3, xã V, huyện Q, đến năm 2004, do hoàn cảnh kinh tế gia đình nên vợ chồng bàn bạc, thỏa thuận với nhau cho bà B đi xuất khẩu lao động nước ngoài, đến năm 2017 bà B về nước nhưng không trở lại chung sống cùng ông. Trong thời gian bà B đi vắng, không liên lạc với chồng con, không quan tâm chăm sóc đến gia đình, nay ông C cho rằng, tuổi cao sức yếu, có bệnh tật cần phải có người chăm sóc và vẫn còn tình cảm với bà B nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà Lê Thị B có 02 con chung như bà B trình bày, các con đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng, nuôi dưỡng con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Mai Phúc C ; về con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành nên không đặt vấn đề nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thẩm quyền: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy, căn cứ Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Về tố tụng: Tòa án cũng tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải cho ông Mai Phúc C nhưng ông C đều không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Ông C cũng đã có đơn xin miễn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời, ông C có đơn đề ngày 06/4/ 2018 nội dung xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe. Tòa án cũng đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2018 và Giấy triệu tập đến phiên tòa, Thông báo hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa đối với ông C, tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

Xét quan hệ hôn nhân:

Theo sự thừa nhận của các đương sự, bà Lê Thị B và ông Mai Phúc C có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q vào ngày 14/02/1987, như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật và xã hội công nhận.

Nguyên đơn bà B cho rằng về tình cảm vợ chồng, không thể khắc phục được, bởi lẽ do ông C có tính vũ phu, thường hay chửi mắng, đánh đập bà dù bà đã nhiều lần van xin, khuyên nhủ. Do vậy vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, do vậy bà B cương quyết xin ly hôn với ông C. Bị đơn ông C cho rằng, sau khi đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài vào năm 2004 đến khi về nước vào năm 2017, bà B không còn liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không về chung sống với ông nữa. Ông C cho rằng, hiện nay do bệnh tật, sức khỏe kém nên cần người chăm sóc nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, vắng mặt ông C, bà B vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, xin được ly hôn, tại biên bản xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú, thấy rằng, vợ chồng bà B, ông C có phát sinh mâu thuẫn. Xét tình trạng hôn nhân giữa ông, bà đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài không thể khắc phục được dẫn đến ngày càng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử qua xem xét toàn diện tình trạng hôn nhân của các đương sự đã đi đến thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà B, cho bà Lê Thị B ly hôn với ông Mai Phúc C là phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

Bà B và ông C đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Mai Lâm S, sinh ngày 20/10/1988 và Mai Thị N, sinh ngày 10/10/1990 . Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng, nuôi dưỡng con chung là có cơ sở và phù hợp với pháp luật

Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

Bà Lê Thị B khởi kiện có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, nhưng tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/01/2018 bà B xin rút yêu cầu này và trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ý kiến ông C trong biên bản lấy lời khai cũng thống nhất với bà B về việc tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên đình chỉ đối với yêu cầu này của bà B là phù hợp với pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;***QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xét xử vắng mặt bị đơn ông Mai Phúc C.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Mai Phúc C.

2. Về nuôi con chung: Các các đương sự thống nhất có 02 con chung là 02 con chung tên là Mai Lâm S, sinh ngày 20/10/1988 và Mai Thị N, sinh ngày 10/10/1990 . Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết về cấp dưỡng cũng như nuôi dưỡng con chung.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nợ chung của bà Lê Thị B do rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001069 ngày 11/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bà B được nhận lại 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã VĩnhNinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Trần Đức Long